

Số: 494 /TTr-UBND

Thanh Trị, ngày 02 tháng 7 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022
(Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 3477/QĐ-UBND, ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020, tỉnh Sóc Trăng (đợt 2) cho huyện Thanh Trị;

Căn cứ Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện Thanh Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Thanh Trị về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 09/TB-BDT ngày 17/6/2022 của Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng thông báo Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Công văn số 1249/SNN-VPĐP ngày 13/6/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng về việc xây dựng phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 – 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới,

Xét khả năng cân đối nguồn vốn và nhu cầu cần thiết đầu tư xây dựng các dự án bức xúc ở các lĩnh vực trên địa bàn huyện; Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 trên địa bàn huyện Thanh Trị, cụ thể như sau:

1. Bổ sung danh mục từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương (điều chỉnh vốn còn thừa và vốn dự phòng chưa phân bổ năm 2022 bố trí 02 dự án khởi công mới): **1.860 triệu đồng**. Trong đó:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương: 1.737 triệu đồng;
- Vốn thu tiền sử dụng đất: 123 triệu đồng.

2. Bổ sung danh mục từ Nguồn tiết kiệm chi năm 2021 (thực hiện chuyển tiếp 02 dự án và khởi công mới 01 dự án): **3.679 triệu đồng**.



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số: H.911/TTr-UBND ngày 01/11 2022 của UBND nhân dân huyện Thạnh Trị)

STT	Nội dung		Địa điểm xây dựng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn số 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của HĐND huyện	Vốn tính giao tại Quyết định số: 3560/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh	Kế hoạch vốn huyện giao đầu năm 2022	điều chỉnh vốn	KHV sau điều chỉnh (-,+)	Kế hoạch vốn còn thừa chưa phân bổ đầu năm	Kế hoạch vốn còn thừa	Kế hoạch vốn bổ sung năm 2022	Ghi chú
1	2		3	4	5	6	7	(8) = (6-7)	9	(10) = (8+9)	11	12
*	Phân cấp ngân sách huyện			25.910	24.409	23.667	22.549	1.118	742	1.860	1.860	
-	Vốn cân đối ngân sách địa phương			22.750	22.009	21.283	20.272	1.011	726	1.737	1.737	
	* Công trình khởi công mới			22.750		21.283	20.272	1.011			1.737	
1	1	Via hè khu vực ấp 3	thị trấn Phú Lộc	900		899	890	9				
2	2	Nâng cấp hèm 8	thị trấn Phú Lộc	1.800		1.766	1.736	30				
3	3	Lộ Bào Cát - Quang Vinh (làm mới đoạn còn lại từ nhà ông Quang - nhà ông Luôn)	thị trấn Hưng Lợi	2.250		2.247	2.023	224				
4	4	Đường lộ 13 - 23 (Nối tiếp)	xã Châu Hưng	2.000		1.999	1.907	92				
5	5	Lộ nhà ông Đản - ông Ngoan - ông Ty	xã Vĩnh Thành	2.250		2.154	2.126	28				
6	6	Cầu Máy Dóc	xã Thạnh Trị	3.500		2.531	2.352	179				
7	7	Cầu Lý Bươt (nối tiếp cầu Chùa đến Sông Lớn)	xã Tuân Tức	2.750		2.485	2.332	153				
8	8	Lộ Muơng Điều (Cầu 8 Ta - nhà ông Vọng)	xã Lâm Tân	2.250		2.217	2.043	174				
9	9	Lộ Kiệt Thắng - Kiệt Thông	xã Lâm Kiệt	2.400		2.400	2.310	90				
10	10	Lộ Cầu Trắng - Lâm Trường	xã Thạnh Tân	750		689	680	9				
		Nhà sinh hoạt cộng đồng 05 ấp: ấp 3, ấp Nàng Rền; ấp Rẫy Mới; Công Điền; Bào Lớn. Trong đó:		1.900								
11	11	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Nàng Rền, Bào Lớn	thị trấn Phú Lộc			823	813	10				
12	12	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp 3, Rẫy Mới, Công Điền	thị trấn Phú Lộc			1.073	1.060	13				



DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Nguồn: Tiết kiệm chi năm 2021

(Kèm theo Tờ trình số: 1291/Tr-UBND ngày 01/7/2022 của UBND nhân dân huyện Thanh Trì)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2022		
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT tư được duyệt		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn	
						Tiết kiệm chi	Vốn khác				Tiết kiệm chi	Vốn khác			
														Tổng số	Tiết kiệm chi
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ					3.679	3.679		3.679				3.679	3.679	
○	Nguồn tiết kiệm chi năm 2021					3.679	3.679		3.679				3.679	3.679	
A	NGÀNH, LĨNH VỰC: GIAO THÔNG					3.438	3.438		3.438				3.438	3.438	
I	Ban QLDA các CTXD					3.438	3.438		3.438				3.438	3.438	
1	Chuẩn bị đầu tư														
2	Thực hiện dự án					3.438	3.438		3.438				3.438	3.438	
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025					2.971	2.971		2.971				2.971	2.971	
-	Dự án C					2.971	2.971		2.971				2.971	2.971	
2.1	Lộ từ cống Bung Coi đến giáp Lâm Tân	xã Lâm Kiệt	1.639,8 m x 3 m	2022		2.971	2.971		2.971				2.971	2.971	
*	Dự án chuyển tiếp					467	467		467				467	467	
2.2	Đường giao thông nông thôn xã Vĩnh Lợi	xã Vĩnh Lợi				467	467		467				467	467	



STT	Dan h mục dự án	Địa đi ểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2022					
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tiết kiệm chi			Vốn khác	Tiết kiệm chi		Vốn khác	Tiết kiệm chi		Vốn khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
B	NGÀNH, LĨNH VỰC: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC					241	241		241				241	241			
I	Ban QLDA các CTXD					241	241		241				241	241			
1	Chuẩn bị đầu tư																
2	Thực hiện dự án					241	241		241				241	241			
*	Dự án chuyển tiếp					241	241		241				241	241			
2.1	Trụ sở UBND xã Lâm Kiết	xã Lâm Kiết		2022	753/QĐ.UBND, ngày 31/10/2020	241	241		241				241	241			



CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
VON CHUONG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
 (Kèm theo Tờ trình số: 494/TTr-UBND ngày 01/7 2022 của UBND nhân dân huyện Thanh Trì)

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2022			
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Chương trình MTQG XDNTM	Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn	
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Chương trình MTQG XDNTM				Chương trình MTQG XDNTM	Vốn khác		Chương trình MTQG XDNTM	Vốn khác
	Tổng số			8.553	8.553	8.553	8.553	-	-	-	8.553	8.553	
I	Xã Châu Hưng			7.428	7.428	7.428	7.428				7.428	7.428	
1	Nâng cấp mở rộng lộ Kinh Ngay - Xóm Tro - Tàn Dù	xã Châu Hưng		6.281	6.281	6.281	6.281				6.281	6.281	
2	Xây dựng 02 công chào	xã Châu Hưng		700	700	700	700				700	700	
3	Xây dựng Nhà Văn hoá ấp Tràm Kiến	xã Châu Hưng		447	447	447	447				447	447	
II	Xã Vĩnh Lợi			1.125	1.125	1.125	1.125				1.125	1.125	
1	Cầu ông Xe - ông Hoạch	xã Vĩnh Lợi		1.125	1.125	1.125	1.125				1.125	1.125	



CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
VÒNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Kèm theo Bờ trình số.../TTr-UBND ngày 01/07/2022 của UBND nhân dân huyện Thanh Trì)

DVT: triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025			Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2022		
				TMDT được duyệt			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	NSDP	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	NSDP	Tổng số	Trong đó: NSTW	NSDP
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn										
	Tổng số			10.684,843	9.818,441	866,402	28.512,713	26.271,462	2.241,252			9.818,441	9.818,441		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			5.625,194	5.218,760	406,434	23.453,064	21.671,780	1.781,284			5.218,760	5.218,760		
1	Hỗ trợ đất ở			1.018,098	925,544	92,554	2.383,069	2.166,426	216,643			925,544	925,544		
2	Hỗ trợ nhà ở			3.452,681	3.138,801	313,880	17.211,049	15.646,408	1.564,641			3.138,801	3.138,801		
3	Hỗ trợ đất sản xuất			1.154,415	1.154,415		3.858,946	3.858,946				1.154,415	1.154,415		
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số			5.059,649	4.599,681	459,968	5.059,649	4.599,682	459,968			4.599,681	4.599,681		
	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số			5.059,649	4.599,681	459,968	5.059,649	4.599,682	459,968			4.599,681	4.599,681		
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở ấp, xã đặc biệt khó khăn			5.059,649	4.599,681	459,968	5.059,649	4.599,682	459,968			4.599,681	4.599,681		
1	Cầu Kênh Tháy 9	Áp A2, xã Thanh Tân		845,000	768,182	76,818	845,000	768,182	76,818			768,182	768,182		



Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025			Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2022		
				TMĐT được duyệt			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	NSDP	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	NSDP	Tổng số	Chia theo nguồn	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn									Tổng số	Trong đó: NSTW
2	Cầu Ông Ngọn	Áp Kinh Ngay 2, xã Châu Hưng			845,000	768,182	76,818	845,000	768,182	76,818					
3	Cầu ông Kha Mết	Áp Kinh Ngay 2, xã Châu Hưng		845,000	768,182	76,818	845,000	768,182	76,818				768,182	768,182	
4	Cầu Kênh nhà ông Thái	Áp Xóm Tro 2, xã Châu Hưng		704,649	640,590	64,060	704,649	640,590	64,060				640,590	640,590	
5	Lộ áp Giồng Chùa (Từ cầu Chùa - nhà Lý Sương)	Áp Giồng Chùa, thị trấn Hưng Lợi		260,000	236,364	23,636	260,000	236,364	23,636				236,364	236,364	
6	Lộ áp Số 8 (Nhà ông Thạch Lện - Nhà Lâm Sơn)	Áp Số 8, thị trấn Hưng Lợi		1.560,000	1.418,182	141,818	1.560,000	1.418,182	141,818				1.418,182	1.418,182	





CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo To trình số: 119/TTTr-UBND ngày 01/7/2022 của UBND nhân dân huyện Thạnh Trị)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025			Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2022							
				TMDT được duyệt			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Kết dư ngân sách huyện	NSTW	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Kết dư NS	NSTW	Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn									Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		
					Trong đó: Kết dư ngân sách huyện	NSTW									Trong đó: KDNS huyện			NSTW	Trong đó: KDNS huyện	NSTW
	Tổng số			10.684,843	866,402	9.818,441	28.512,713	2.241,252	26.271,461				866,402	866,402						
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			5.625,194	406,434	5.218,760	23.453,064	1.781,284	21.671,780				406,434	406,434						
1	Hỗ trợ đất ở			1.018,098	92,554	925,544	2.383,069	216,643	2.166,426				92,554	92,554						
2	Hỗ trợ nhà ở			3.452,681	313,880	3.138,801	17.211,049	1.564,641	15.646,408				313,880	313,880						
3	Hỗ trợ đất sản xuất			1.154,415		1.154,415	3.858,946	-	3.858,946											
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số			5.059,649	459,968	4.599,681	5.059,649	459,968	4.599,681				459,968	459,968						
	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số			5.059,649	459,968	4.599,681	5.059,649	459,968	4.599,681				459,968	459,968						
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở ấp, xã đặc biệt khó khăn			5.059,649	459,968	4.599,681	5.059,649	459,968	4.599,681				459,968	459,968						
1	Cầu Kênh Tháy 9	Ấp A2, xã Thạnh Tân		845,000	76,818	768,182	845,000	76,818	768,182				76,818	76,818						
2	Cầu Ông Ngọn	Ấp Kinh Ngay 2, xã Châu Hưng		845,000	76,818	768,182	845,000	76,818	768,182				76,818	76,818						

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025			Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2022					
				TMDT được duyệt			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Kết dư ngân sách huyện	NSTW	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Kết dư NS	NSTW	Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Kết dư ngân sách huyện	NSTW								Trong đó: KDNS huyện	NSTW		Trong đó: KDNS huyện	NSTW
3	Cầu ông Kha Mết	Áp Kinh Ngay 2, xã Châu Hưng		845,000	76,818	768,182	845,000	76,818	768,182				76,818	76,818				
4	Cầu Kênh nhà ông Thái	Áp Xóm Tro 2, xã Châu Hưng		704,649	64,059	640,590	704,650	64,060	640,590				64,059	64,059				
5	Lộ áp Giồng Chùa (Từ cầu Chùa - nhà Lý Sương)	Áp Giồng Chùa, thị trấn Hưng Lợi		260,000	23,636	236,364	260,000	23,636	236,364				23,636	23,636				
6	Lộ áp Số 8 (Nhà ông Thạch Lện - Nhà Lâm Sơn)	Áp Số 8, thị trấn Hưng Lợi		1.560,000	141,818	1.418,182	1.560,000	141,818	1.418,182				141,818	141,818				

